

Số: /2022/QĐST-HNGĐ

CL, ngày 25 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số: 363/2022/TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022, Về việc “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con” giữa:

- Nguyên đơn: anh Văn Công D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp RD, xã ĐPh, huyện CL, tỉnh TV.

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1985.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Cháu Văn Thị Hồng Ph, sinh ngày 24/10/2009.

Địa chỉ: cùng ấp RD, xã ĐPh, huyện CL, tỉnh TV.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55;71;72;81;107;116;117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Văn Công D, sinh năm 1977 với chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1985 được ly hôn.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Văn Công D với chị Nguyễn Thị B xác định có 02 con chung tên cháu Văn Tuấn Đ, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2004, đã trưởng thành, và cháu Văn Thị Hồng Ph, sinh ngày 24/10/2009, anh D và chị B thỏa thuận để chị B được trực tiếp

nuôi dưỡng cháu Văn Thị Hồng Ph, là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ph về việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị B không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Anh Văn Công D được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cấm.

Về tài sản chung: có nhưng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: có nhưng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Văn Công D tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm chục ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp theo biên lai thu tiền AA/2020, số: 0010624, ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh TV, anh D được nhận lại 150.000đ tiền tạm ứng án phí còn thừa.

- Chị Nguyễn Thị B không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện CL;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS huyện CL.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Lê Văn Tâm